CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Vải sợi May mặc Miền Bắc

Ngày 31/12/2025	33,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	11.0%	**11.0%**	**22.9%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	27,100 - 39,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	190
Số lượng CPLH (CP)	5,702,940
KLGD BQ 20 phiên (CP)	665
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.00)
EPS	1,773
P/E	18.8

DT thuần
Q4/25
6.37
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.86| 15.5%
YoY: ▲ 0.46| 7.7%

LN thuần
Q4/25
3.72
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.11| 131%
YoY: ▲ 2.58| 226%

LN sau thuế
Q4/25
3.26
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.11| 184%
YoY: ▲ 2.48| 318%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
52.9%
YoY: +/-▲ 25.6%

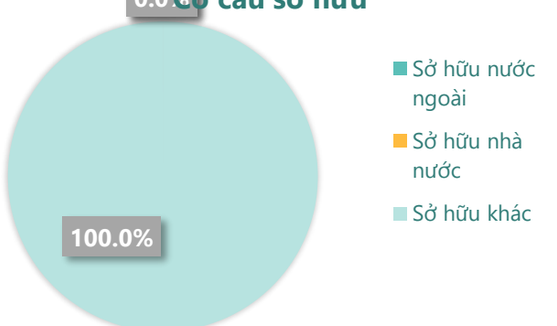
ROE
2025
8.6%
YoY: +/-▲ 4.3%

DT thuần
2025
23.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.10| -0.4%

LN thuần
2025
7.90
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.78| 54.3%

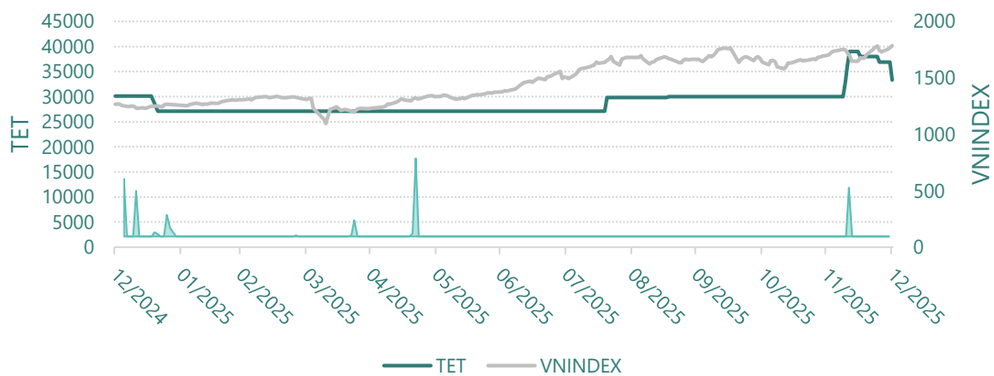
LN sau thuế
2025
10.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.18| 106%

Cơ cấu sở hữu

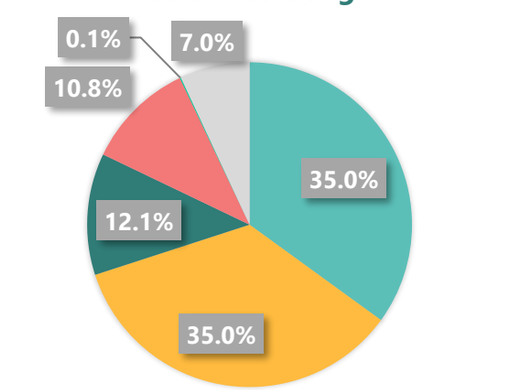


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

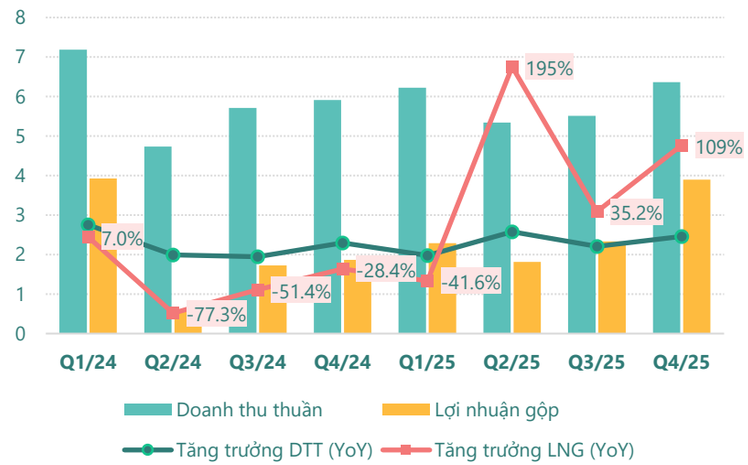


CTCP Xây dựng và Ứng dụng công nghệ DELTA-V
Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta
Phạm Hoàng Long (Tổng giám đốc)
Trần Minh Quỳnh Dung
Bùi Thị Minh
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

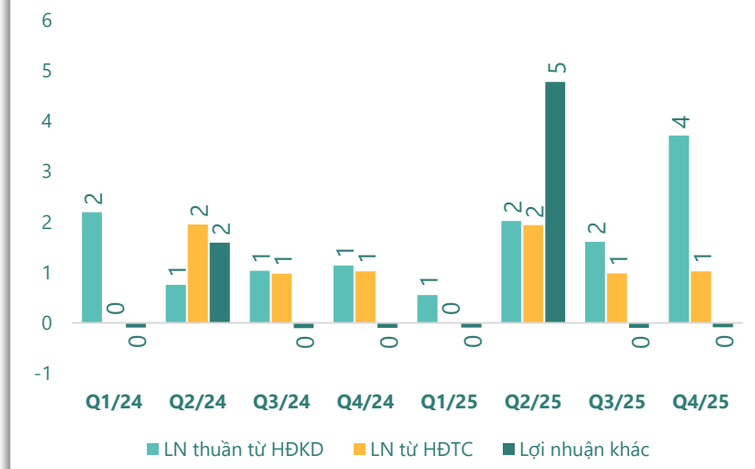
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



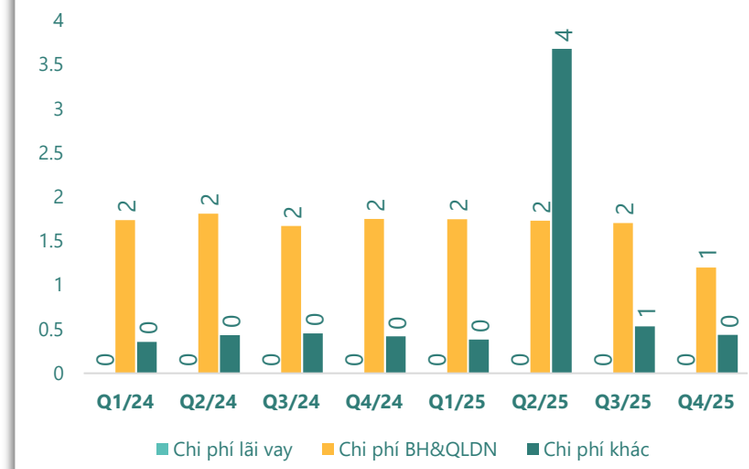
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



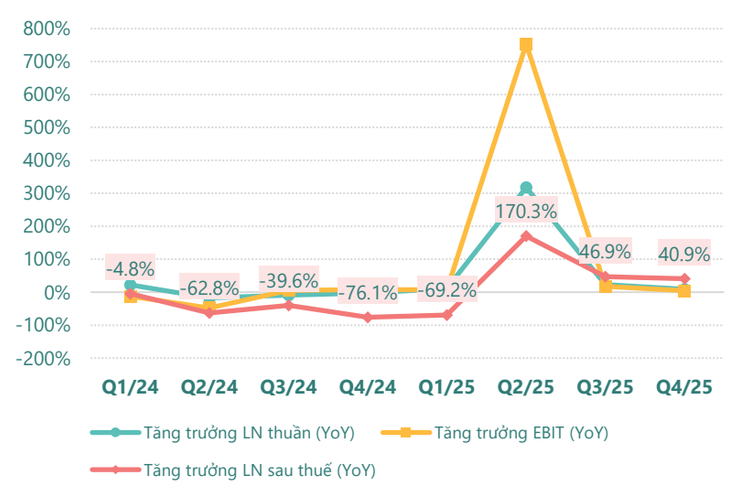
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



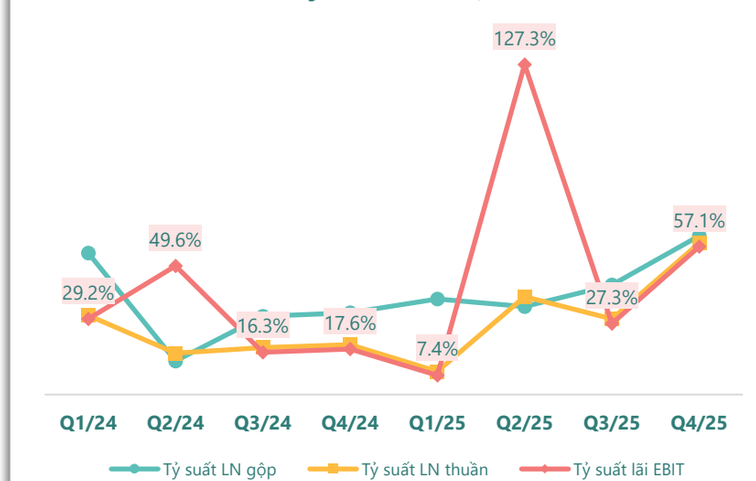
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



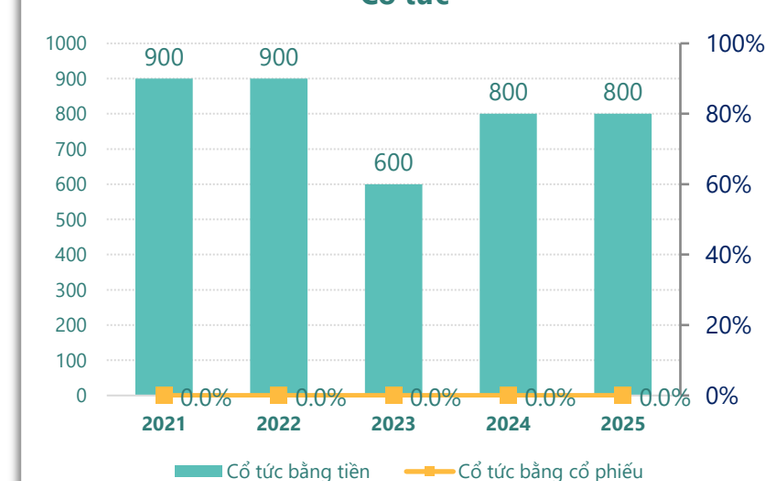
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



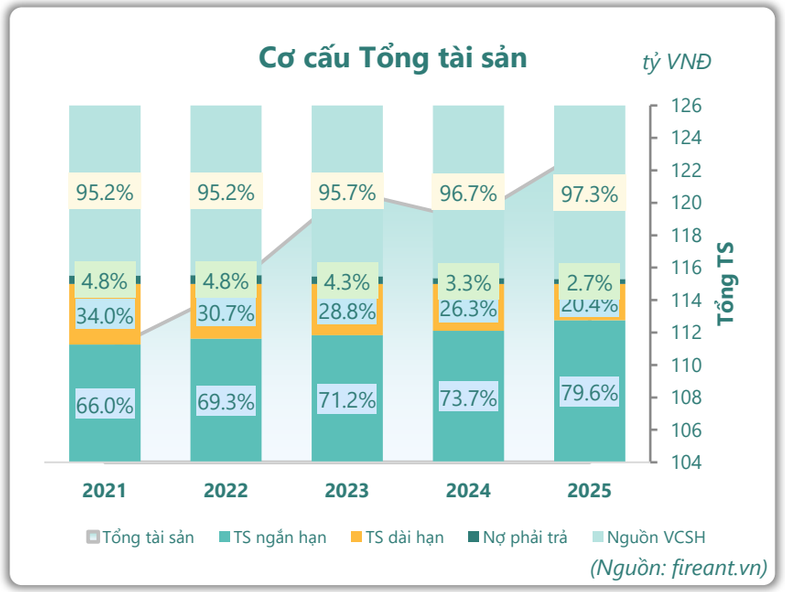
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

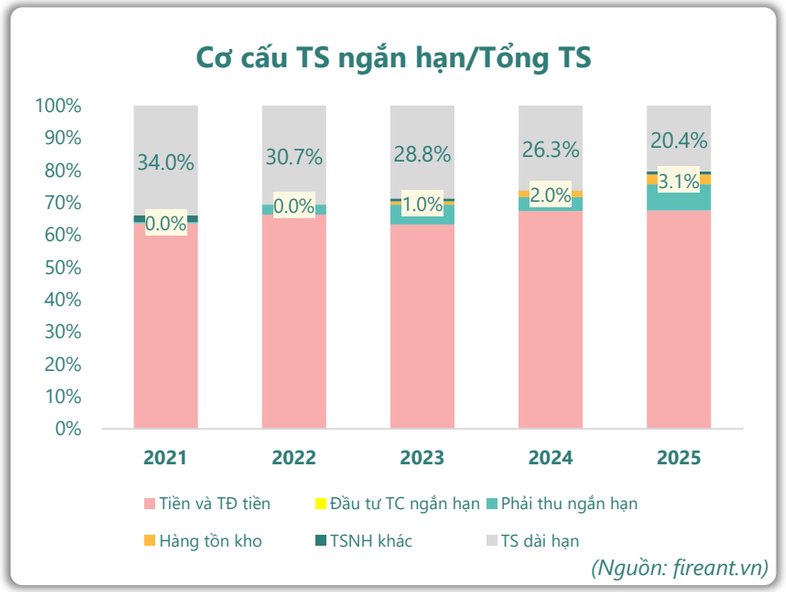


(Nguồn: fireant.vn)

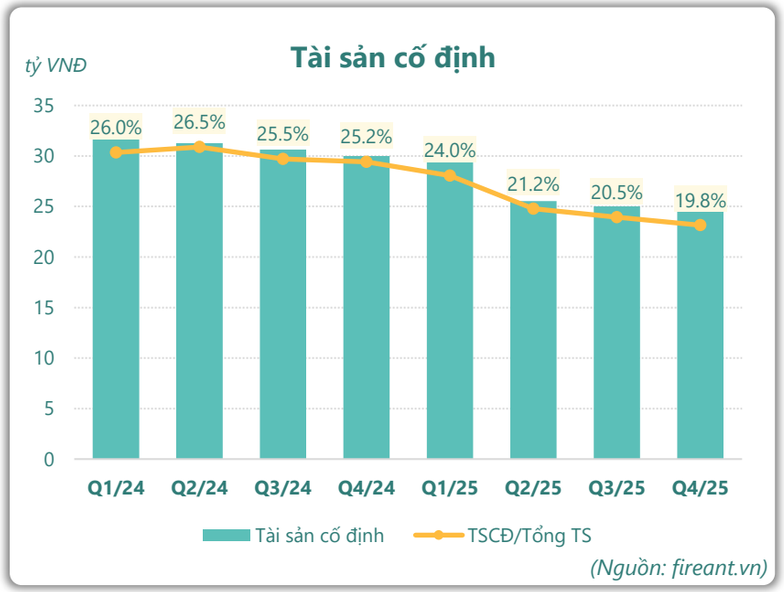
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



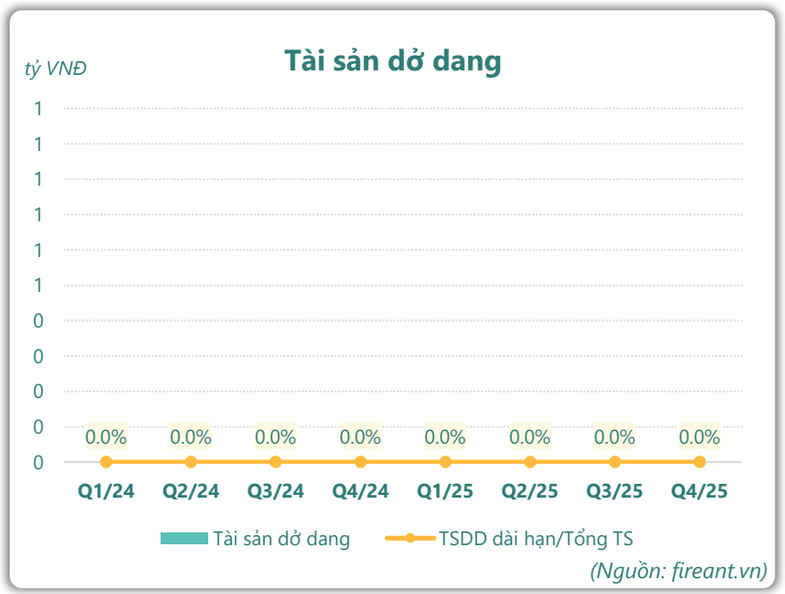
(Nguồn: fireant.vn)



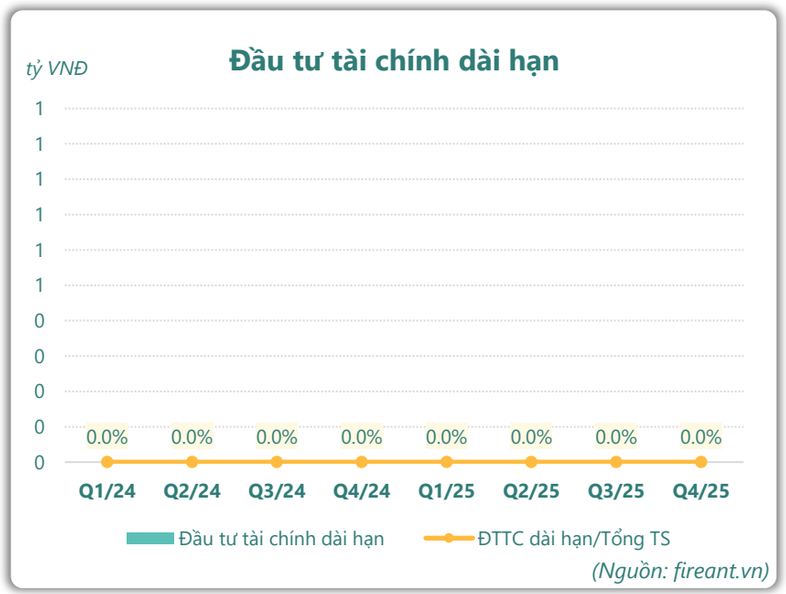
(Nguồn: fireant.vn)



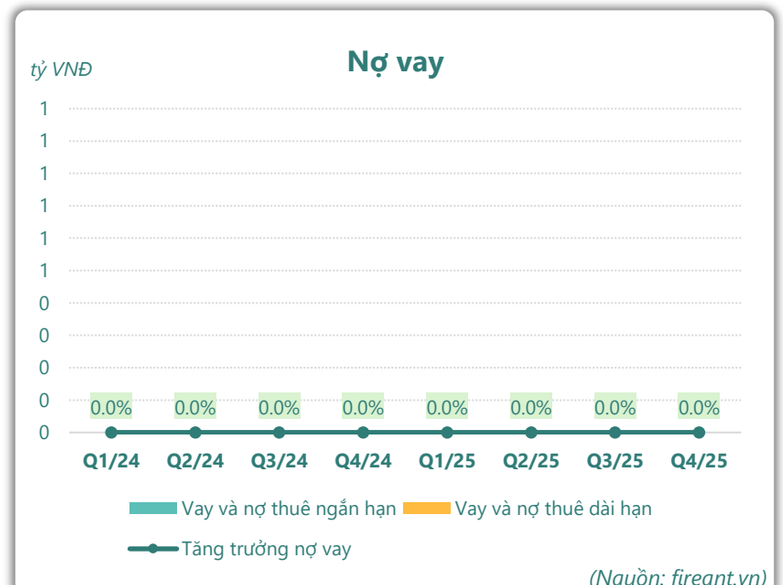
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



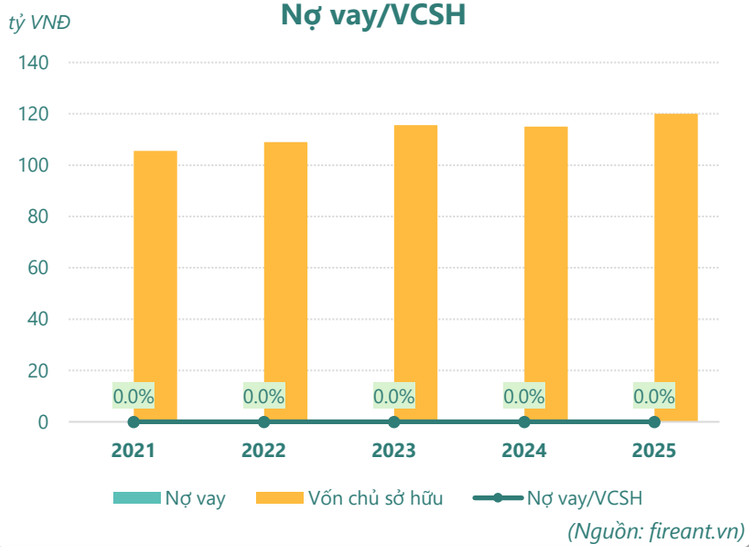
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

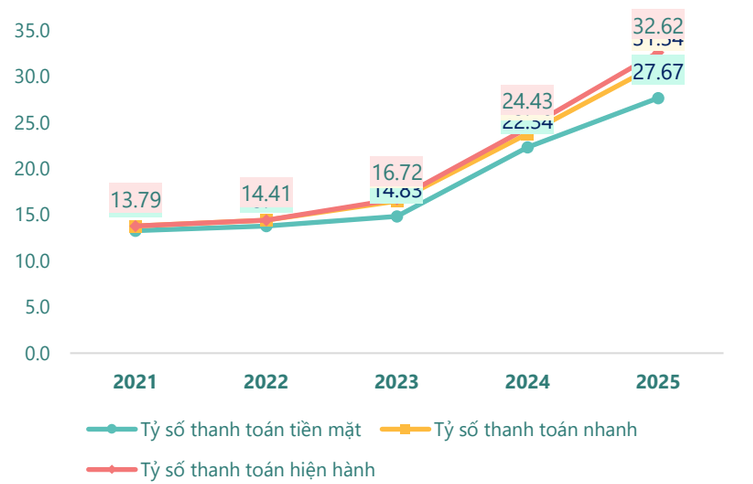
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



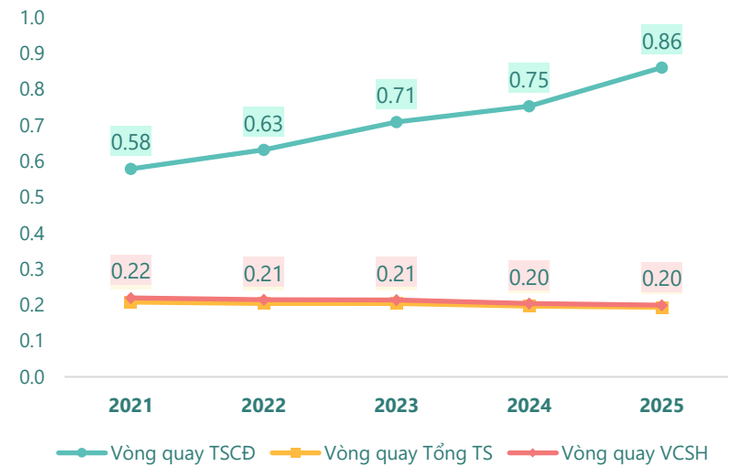
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



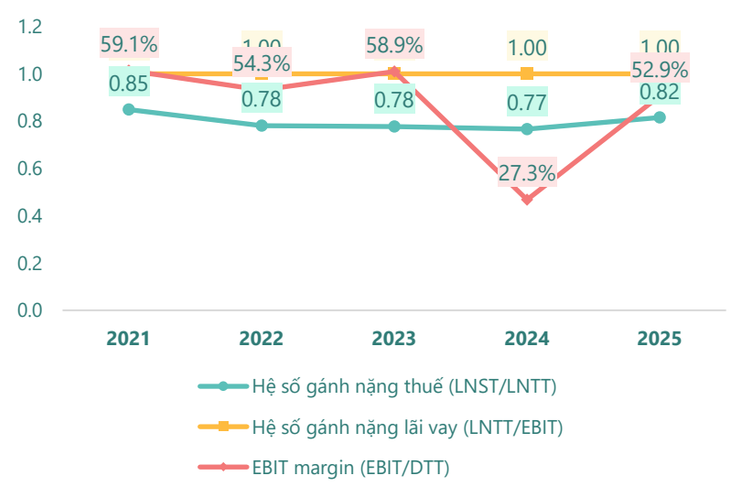
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



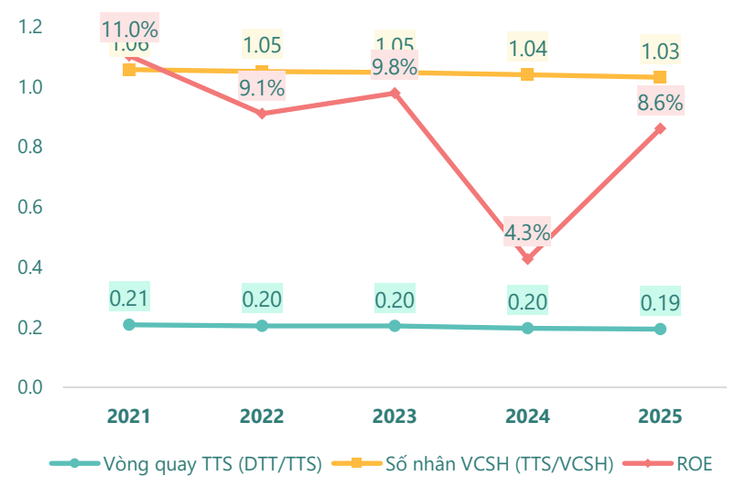
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



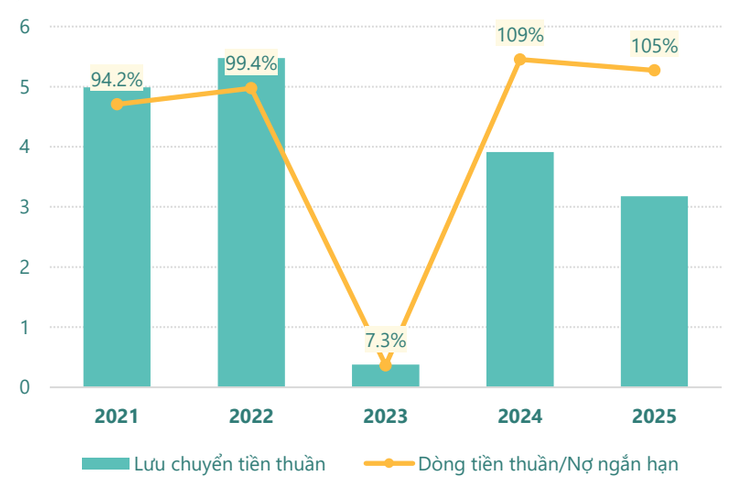
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**6.37**	**5.91**	**7.7%**	**23.4**	**23.5**	**-0.4%**
Giá vốn hàng bán	2.47	4.04	-38.9%	13.1	15.4	-14.9%
Lợi nhuận gộp	3.90	1.87	108%	10.3	8.13	27.1%
Doanh thu HĐTC	1.02	1.02	0.3%	3.95	3.96	-0.3%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.20**	**1.75**	**-31.4%**	**6.38**	**6.97**	**-8.5%**
LN thuần từ HĐKD	3.72	1.14	226%	7.90	5.12	54.3%
Lợi nhuận khác	**-0.09**	**-0.10**	**12.0%**	**4.50**	**1.30**	**247%**
LN trước thuế	3.63	1.04	249%	12.4	6.42	93.2%
Lợi nhuận sau thuế	**3.26**	**0.78**	**318%**	**10.1**	**4.92**	**106%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.26**	**0.78**	**318%**	**10.1**	**4.92**	**106%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.74	-1.75	7.07	-6.02	3.22	-0.49
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.01	55.1	-55.0	3.89	0.03	55.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-4.56	0.00	0
Tiền đầu kỳ	23.1	26.8	80.2	32.2	25.5	28.8
Lưu chuyển tiền thuần	**3.73**	**53.3**	**-47.9**	**-6.70**	**3.25**	**54.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	26.8	80.2	32.2	25.5	28.8	83.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**123**	**119**	**3.8%**
Tài sản ngắn hạn	98.3	87.7	12.1%
Tiền và tương đương tiền	83.3	80.2	4.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	9.93	5.12	94.1%
Hàng tồn kho	3.87	2.35	64.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.12	0.04	2772%
Tài sản dài hạn	**25.2**	**31.3**	**-19.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	24.5	30.0	-18.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.70**	**1.32**	**-46.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3.37	3.95	-14.6%
Nợ ngắn hạn	**3.01**	**3.59**	**-16.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0.01	-100%
Nợ dài hạn	0.36	0.36	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**120**	**115**	**4.4%**
Vốn chủ sở hữu	**120**	**115**	**4.4%**
Vốn điều lệ	57.0	57.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)